

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
Tỉnh Hậu Giang**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2022/DS-ST

Ngày: 22-9-2022

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chúc Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Thanh Trí

2. Bà Lê Thanh Xuân

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên Tà: Ông Trần Văn Tân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 9 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2022/QĐXX-ST ngày 22 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc P

Địa chỉ: Ấp NTB, xã NNA, huyện CTA, tỉnh Hậu Giang – Có mặt

2. Bị đơn: Ông Lê Văn T

Địa chỉ: Ấp NTA, xã NNA, huyện CT A, tỉnh Hậu Giang – Có mặt

Bà Châu Thị Tiêm, địa chỉ: Ấp NT1, xã NNA, huyện CTA, tỉnh Hậu Giang –
Vắng mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trần Thị Bích S

Địa chỉ: Ấp NT1A, xã NNA, huyện CTA, tỉnh Hậu Giang – Vắng mặt.

Người làm chứng: Nguyễn Văn C, địa chỉ: Ấp NT1, xã NNA, huyện CTA, tỉnh Hậu Giang – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là bà Nguyễn Ngọc P trình bày như sau: Vào ngày 03/02/2021 dương lịch, bà có cho Lê Văn T vay số tiền là 350.000.000đồng. Bà Châu Thị Tiềm là mẹ của Lê Văn T khi đó có bảo lãnh cho T vay tiền. Thỏa thuận lãi suất như sau:

Đối với số tiền 250.000.000đồng thỏa thuận lãi suất là 2,5%/tháng, số tiền 100.000.000đồng thỏa thuận lãi là 6%/tháng. Lãi suất có khác nhau là do bà đi cầm cố vàng lấy tiền và đi vay tiền chỗ khác cho T vay. Tuy nhiên, đến nay bà chỉ tính lãi suất là 20%/năm cho đúng quy định pháp luật. Thời điểm tính lãi suất đối với số tiền 250.000.000đồng là từ ngày 03/7/2022 đến khi xét xử sơ thẩm, đối với số tiền 100.000.000đồng tính lãi từ ngày 01/02/2022 đến khi xét xử sơ thẩm.

Khi bà cho T và bà Tiềm vay tiền có mặt Trần Thị Bích S là vợ của T, S biết việc T vay tiền. Trong giấy nhận nợ bà Tiềm và S không ký tên là do quen biết, đưa tiền trước sau đó đưa biên nhận thì S và bà Tiềm không ký. Đối với “Tờ cam kết” lập ngày 28/01/2022 có chữ ký của Lê Văn T và Trần Thị Bích S, tờ cam kết này bà đưa T đem về nhà ký, T ký và đưa S ký xong đem lại cho bà. Vì vậy, bà cũng không biết chữ ký này có phải của S hay không. Bà không yêu cầu giám định chữ ký. Bà yêu cầu T, S và bà Tiềm cùng có nghĩa vụ trả nợ cho bà vì S là vợ của T biết T vay tiền chứ không phải không biết.

Có lúc bà P khai là bà Tiềm là người nhận tiền, bà không yêu cầu bà Trần Thị Bích S trả nợ vì bà không có giáp mặt với bà S.

Quá trình tố tụng bị đơn là ông Lê Văn T trình bày như sau: Vào ngày 03/02/2021 ông có nhờ mẹ là Châu Thị Tiềm vay tiền của bà Nguyễn Ngọc P để mua cam bán lại. Số tiền vay gốc là 350.000.000đồng. Trong đó lãi suất của 250.000.000đồng là 2,5%/tháng, lãi suất của 100.000.000đồng là 6%/tháng. Do làm ăn thất bại nên ông T chưa thanh toán nợ cho bà P. Đối với yêu cầu đòi nợ của bà P, ông T cũng đồng ý trả nợ gốc là 350.000.000đồng và lãi theo quy định. Ông T cho rằng, số nợ này là của ông và bà Tiềm hỏi vay, bà S vợ ông không biết vì bà S không đồng ý cho ông đi mua cam. Trong giấy cam kết mà bà P nộp cho Tòa án có chữ ký của Trần Thị Bích S là do ông ký chứ vợ ông không có ký.

Bị đơn là bà Châu Thị Tiềm trình bày: Bà là mẹ ruột của Lê Văn T, bà không bảo lãnh cho T vay tiền từ bà P. Bà cho rằng ngay từ đầu bà đã không đồng ý bảo lãnh cho T dù bà P nhiều lần kêu vợ chồng bà bảo lãnh cho T. Tuy nhiên, do T đã

thất bại nhiều lần, phá tán tài sản nhiều nên bà không còn tin tưởng T nữa. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà P, bà không đồng ý cùng với T trả nợ cho bà P, không thay T trả nợ vì bà không cùng T vay tiền cũng không bảo lãnh cho T vay tiền.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị Bích S trình bày: Bà không biết việc chồng bà là Lê Văn T và mẹ chồng là Châu Thị Tiêm vay tiền của bà P, vì bà không đồng ý cho ông T đi mua cam nên không đồng ý vay tiền. Vì vậy bà không có nghĩa vụ gì trong vụ án này.

Người làm chứng là ông Nguyễn Văn C trình bày: Ông và anh Lê Văn T, bà Nguyễn Ngọc P, bà Châu Thị Tiêm không có quan hệ bà con họ hàng, chỉ quen biết nhau trong quá trình làm ăn.

Vào năm 2021, ông có đi theo anh T hái cam, đối với việc bà P cho anh T vay tiền ông có biết. Cụ thể là khi đó anh T hỏi vay tiền bà P nên bà P có đến nhà bà Tiêm để nói việc anh T hỏi vay tiền, nếu bà Tiêm đồng ý bảo lãnh thì bà P mới cho vay, nhưng bà Tiêm không chịu. Sau đó thì bà Tiêm chịu bảo lãnh nên bà P đem vàng đi cầm và đem tiền đến đưa cho anh T tại nhà bà Tiêm có ông chứng kiến cùng với vợ chồng bà Tiêm. Lúc đó hai bên không có làm giấy tờ gì. Số tiền anh T vay của bà P bao nhiêu thì ông không rõ. Việc bà Tiêm sau này có ký giấy bảo lãnh cho T hay không thì ông không rõ, nhưng khi cho vay tiền vì bà Tiêm chịu bảo lãnh nên bà P mới cho anh T vay.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc P xác định yêu cầu bị đơn Lê Văn T, Châu Thị Tím và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị Bích S cùng có nghĩa vụ trả nợ cho bà với số tiền gốc là 350.000.000đồng, lãi là 16.500.000đồng.

Bị đơn là ông Lê Văn T đồng ý trả cho bà P số tiền nợ gốc 350.000.000đồng và tiền lãi là 16.500.000đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định pháp luật, đảm bảo đúng về thời hạn cũng như trình tự thủ tục. Nguyên đơn và bị đơn Lê Văn T thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Bị đơn Châu Thị Tiêm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trần Thị Bích S, người làm chứng Nguyễn Văn C vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228, 229 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 xét xử vắng mặt những người này là phù hợp.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc P đối với ông Lê Văn T, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện

của bà Nguyễn Ngọc P đối với bà Châu Thị Thị Tiêm và bà Trần Thị Bích S. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Văn T trả cho bà Nguyễn Ngọc P số 350.000.000đồng gốc và 16.500.000đồng lãi.

Về án phí: Bị đơn Lê Văn T có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Ngọc P cho rằng ông Lê Văn T và bà Châu Thị Tiêm thiếu nợ tiền vay không trả nên phát sinh tranh chấp. Bị đơn là Lê Văn T và Châu Thị Tiêm có nơi cư trú tại xã Nhơn Nghĩa A, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa nguyên đơn có mặt, bị đơn Lê Văn T có mặt, bị đơn Châu Thị Tiêm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trần Thị Bích S và người làm chứng Nguyễn Văn C vắng mặt không rõ lý do dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 và Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 xét xử vắng mặt bà Tiêm, bà S và ông C.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc P yêu cầu ông Lê Văn T và bà Châu Thị Tiêm, bà Trần Thị Bích S trả số tiền nợ vay gốc là 350.000.000đồng, cộng với lãi suất 20%/năm của 250.000.000đồng tính từ ngày 03/7/2022 đến khi xét xử sơ thẩm và lãi suất của 100.000.000đồng tính từ ngày 01/02/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa, bà P chỉ yêu cầu ông T, bà Tiêm, bà S trả tiền gốc là 350.000.000đồng và tiền lãi là 16.500.000đồng.

[3.1] Đối với số tiền vay và người vay tiền, người bảo lãnh: Bà P cho rằng bà Châu Thị Tiêm bảo lãnh cho ông Lê Văn T vay của bà số tiền gốc là 350.000.000đồng, ông T thừa nhận có nhờ mẹ là bà Tiêm bảo lãnh vay 350.000.000đồng từ bà P để mua cam. Ông C là người làm chứng cho rằng bà Tiêm có bảo lãnh cho T vay tiền. Tuy nhiên, bà Tiêm không thừa nhận có bảo lãnh cho T vay tiền, không cùng T vay tiền nên không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của bà P. Bà Trần Thị Bích S xác định không đồng ý cho T vay tiền, không biết việc bà Tiêm bảo lãnh cho T vay tiền, nên không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của bà P.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong giấy mượn nợ bà P cung cấp cho Tòa án không có chữ ký của người bảo lãnh là bà Châu Thị Tiêm và bà Trần Thị Bích S; giấy mượn nợ cũng không thể hiện thời gian lập giấy và thời điểm vay tiền, thời điểm trả tiền hay mức lãi suất, chỉ ghi nhận số tiền vay là 350.000.000đồng, chữ ký của người vay là Lê Văn T, người làm chứng là Nguyễn Văn C.

Tờ cam kết lập ngày 28/01/2022 có chữ ký và tên người cam kết là Lê Văn T và Trần Thị Bích S, tuy nhiên bà S không thừa nhận có ký cam kết, bà P không biết đây có phải chữ ký của bà S hay không vì bà đưa giấy cho T đem về nhà ký, ông T xác định chữ ký trong tờ cam kết đều là do ông ký, bà S không biết gì. Bà P lại không có yêu cầu giám định chữ ký.

Trong khi người làm chứng ông Nguyễn Văn C cho rằng bà P đưa tiền cho ông T nhưng đưa bao nhiêu ông không rõ, bà P thì cho rằng bà đưa tiền cho bà Tiêm rồi bà Tiêm mới đưa lại cho ông T. Thấy rằng lời khai của người làm chứng không cụ thể, có điểm không thống nhất với lời khai của nguyên đơn.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không có đủ cơ sở buộc bà Tiêm và bà S có nghĩa vụ cùng với ông T trả nợ cho bà P, cũng không có đủ cơ sở xác định trách nhiệm bảo lãnh của bà Tiêm đối với nghĩa vụ trả nợ của ông T.

Đối với ông Lê Văn T, do ông T thừa nhận có nợ bà P 350.000.000đồng, đồng ý trả số tiền này nên Hội đồng xét xử chỉ có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P đối với ông T.

[3.2] Đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn đối với số tiền nợ 350.000.000đồng: Hội đồng xét xử xét thấy, bà P yêu cầu tính lãi với mức bằng 20%/năm. Trong đó, đối với số tiền 250.000.000đồng thì thời điểm tính lãi là từ 03/7/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 22/9/2022 tính tròn là 10.822.000đồng; Đối với số tiền 100.000.000đồng thì thời điểm tính lãi từ ngày 01/02/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 22/9/2022 tính tròn là 12.657.000đồng. Tổng cộng lãi là 23.479.000đồng.

Tại phiên tòa, bà P chỉ yêu cầu ông T, bà Tiêm, bà S trả số tiền lãi là 16.500.000đồng, bị đơn Lê Văn T cũng đồng ý nên Hội đồng xét xử chấp nhận số tiền lãi này.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án thì bị đơn là Lê Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền bằng 5% số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn, cụ thể số tiền án phí dân sự sơ thẩm bị đơn phải chịu là $366.500.000\text{đồng} \times 5\% = 18.325.000\text{đồng}$.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng các Điều 357, Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Ngọc P đối với bị đơn ông Lê Văn T.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Văn T trả cho bà P 350.000.000đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng) nợ gốc và 16.500.000đồng (Mười sáu triệu năm trăm ngàn đồng) nợ lãi. Tổng cộng ông Lê Văn T phải trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền là 366.500.000đồng (Ba trăm sáu mươi sáu triệu năm trăm ngàn đồng).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P đối với bà Châu Thị Tiềm và bà Trần Thị Bích S.

Kể từ ngày bà Nguyễn Ngọc P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Lê Văn T chậm trả số tiền 366.500.000đồng (Ba trăm sáu mươi sáu triệu năm trăm ngàn đồng) nêu trên thì ông T còn phải trả cho bà P số tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh Toán, lãi suất được áp dụng theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bị đơn là Lê Văn T phải chịu 18.325.000đồng (Mười tám triệu ba trăm hai mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Ngọc P được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.362.000đồng (Chín triệu ba trăm sáu mươi hai ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011840 ngày 14/4/2022 của Chi Cục thi hành án dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

3. Nguyên đơn Nguyễn Ngọc P, bị đơn Lê Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Bị đơn Châu Thị Tiềm có quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Châu Thị Bích S có quyền kháng cáo nội dung bản án liên quan đến nghĩa vụ, quyền lợi của bà

trong hạn 15 kể từ ngày ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Châu Thành A;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Chúc Linh